

-----  
Ngày 14 tháng 02 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

Mã chứng khoán: MSN

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 6256 3862

Fax: 08 3827 4115

Người thực hiện công bố thông tin: ông Trần Quang Chúc

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 08 6256 3862 (số máy lẻ: 5200)

Fax: 08 3827 4115

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2013.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/02/2014 tại đường dẫn <http://www.masangroup.com/vi/quan-he-co-dong/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-hang-quy>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

  
  
**TRẦN QUANG CHÚC**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 4 tháng 12 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 4 tháng 12 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

**Hội đồng Quản trị**

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang  
Ông Hồ Hùng Anh  
Ông Madhur Maini  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu B 01 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>11.199.004</b>	<b>9.221.223</b>	<b>12.352.670</b>	<b>2.643.573</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>5.698.563</b>	<b>5.718.717</b>	<b>1.379.279</b>	<b>2.160.026</b>
Tiền	111		203.577	151.205	11.831	9.484
Các khoản tương đương tiền	112		5.494.986	5.567.512	1.367.448	2.150.542
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>10</b>	<b>3.287.000</b>	<b>1.840.500</b>	-	<b>68.000</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>975.138</b>	<b>942.881</b>	<b>10.893.087</b>	<b>376.179</b>
Phải thu khách hàng	131		351.956	121.300	-	-
Trả trước cho người bán	132		360.236	475.436	139.141	117.773
Phải thu khác	135		265.252	346.523	10.753.946	258.406
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.306)	(378)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>1.070.709</b>	<b>563.855</b>	-	-
Hàng tồn kho	141		1.091.775	575.846	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.066)	(11.991)	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>167.594</b>	<b>155.270</b>	<b>80.304</b>	<b>39.368</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.718	27.492	489	496
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		100.506	105.858	46.866	30.243
Tài sản ngắn hạn khác	158		38.370	21.920	32.949	8.629

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>35.290.281</b>	<b>29.478.033</b>	<b>19.375.093</b>	<b>23.197.560</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>4</b>	<b>450.183</b>	<b>23.158</b>	<b>2.875.015</b>	<b>1.658.406</b>
Phải thu dài hạn khác	218		450.183	23.158	2.875.015	1.658.406
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.121.365</b>	<b>17.728.751</b>	<b>81.122</b>	<b>84.437</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	6	1.731.429	1.547.311	68.036	11.707
<i>Nguyên giá</i>	222		2.457.615	2.040.428	92.565	17.698
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(726.186)	(493.117)	(24.529)	(5.991)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	7	58.327	-	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(8.973)	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	8	1.288.676	863.516	3.065	1.102
<i>Nguyên giá</i>	228		1.597.071	1.028.783	4.214	1.566
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(308.395)	(165.267)	(1.149)	(464)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	20.042.933	15.317.924	10.021	71.628
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>10.759.698</b>	<b>11.313.619</b>	<b>16.355.220</b>	<b>21.423.058</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	7.422.796	12.490.634
Đầu tư vào công ty liên kết	252		10.756.098	10.948.119	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		3.600	365.500	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>959.035</b>	<b>412.505</b>	<b>63.736</b>	<b>31.659</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	403.353	97.060	53.311	21.346
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	12	76.105	36.035	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		42.458	30.778	10.425	10.313
Lợi thế thương mại	269	13	437.119	248.632	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>46.489.285</b>	<b>38.699.256</b>	<b>31.727.763</b>	<b>25.841.133</b>

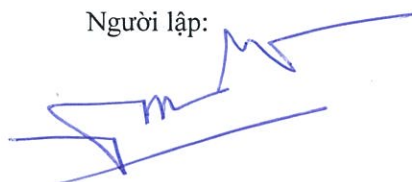
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>23.237.638</b>	<b>18.994.871</b>	<b>17.472.541</b>	<b>10.020.279</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.974.373</b>	<b>4.748.364</b>	<b>3.684.322</b>	<b>473.329</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	6.635.910	1.793.384	2.311.300	-
Phải trả người bán	312		942.375	973.856	9.286	1.854
Người mua trả tiền trước	313		22.163	14.490	-	-
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	673.896	608.893	386	-
Phải trả nhân viên	315		20.387	12.480	-	-
Chi phí phải trả	316	16	1.578.366	1.300.931	479.911	471.475
Phải trả khác	319	17	101.276	44.330	883.439	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.263.265</b>	<b>14.246.507</b>	<b>13.788.219</b>	<b>9.546.950</b>
Nợ dài hạn khác	333	17	234.688	737.832	1.812.997	2.170.428
Vay và nợ dài hạn	334	18	12.067.096	12.647.177	11.975.222	7.376.522
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	12	961.481	860.117	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	-	1.381	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>14.947.157</b>	<b>13.883.837</b>	<b>14.255.222</b>	<b>15.820.854</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>14.947.157</b>	<b>13.883.837</b>	<b>14.255.222</b>	<b>15.820.854</b>
Vốn cổ phần	411	21	7.349.113	6.872.801	7.349.113	6.872.801
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	9.601.627	7.999.167	9.601.627	7.999.167
Vốn khác của chủ sở hữu	413	22	97.703	1.721.824	97.703	1.721.824
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(43.950)	(16.128)	-	-
Vốn khác	418		(8.393.256)	(8.619.479)	(1.586.675)	(530.235)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.335.920	5.925.652	(1.206.546)	(242.703)
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>8.304.490</b>	<b>5.820.548</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400 + 439)	<b>440</b>		<b>46.489.285</b>	<b>38.699.256</b>	<b>31.727.763</b>	<b>25.841.133</b>

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 02 – DN

**Tập đoàn**

	Mã số	Thuyết minh	Từ	Từ	2013	2012
			1/10/2013	1/10/2012		
			đến	đến	Triệu VND	Triệu VND
			31/12/2013	31/12/2012	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>4.477.016</b>	<b>3.709.991</b>	<b>12.105.989</b>	<b>10.575.249</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>23</b>	<b>39.576</b>	<b>55.581</b>	<b>163.456</b>	<b>185.835</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>4.437.440</b>	<b>3.654.410</b>	<b>11.942.533</b>	<b>10.389.414</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>2.450.158</b>	<b>2.125.664</b>	<b>6.942.233</b>	<b>6.178.926</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.987.282</b>	<b>1.528.746</b>	<b>5.000.300</b>	<b>4.210.488</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	344.655	125.144	664.121	809.824
Chi phí tài chính	22	26	327.937	57.558	606.785	309.385
Chi phí bán hàng	24		658.349	422.083	1.981.587	1.325.121
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		325.815	222.042	935.135	727.529
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>1.019.836</b>	<b>952.207</b>	<b>2.140.914</b>	<b>2.658.277</b>
Thu nhập khác	31	27	6.881	30.544	154.027	214.517
Chi phí khác	32	28	25.916	18.383	85.089	46.474
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(19.035)</b>	<b>12.161</b>	<b>68.938</b>	<b>168.043</b>
<b>Lỗ từ các công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>29</b>	<b>(59.500)</b>	<b>(420.300)</b>	<b>(194.550)</b>	<b>(337.798)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>		<b>941.301</b>	<b>544.068</b>	<b>2.015.302</b>	<b>2.488.522</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>271.884</b>	<b>378.982</b>	<b>797.916</b>	<b>650.509</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>(17.809)</b>	<b>(192.787)</b>	<b>(79.987)</b>	<b>(124.579)</b>
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>687.226</b>	<b>357.873</b>	<b>1.297.373</b>	<b>1.962.592</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

**Tập đoàn**

	Mã số	Thuyết minh	Từ	Từ	2013	2012
			1/10/2013 đến 31/12/2013	1/10/2012 đến 31/12/2012		
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Lợi nhuận thuần</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		687.226	357.873	1.297.373	1.962.592
<b>Phân bổ cho:</b>						
Cổ đông thiểu số	61		508.624	263.387	867.646	702.074
Chủ sở hữu của Công ty	62		178.602	94.486	429.727	1.260.518
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	30	250	133	602	1.776

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Tập đoàn**

	Mã số	Giá định <sup>(1)</sup>			
		Từ		2013	
		Từ 1/10/2013 đến 31/12/2013	Từ 1/10/2012 đến 31/12/2012	Triệu VND	2012 Triệu VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>4.477.016</b>	<b>3.709.991</b>	<b>12.105.989</b>	<b>10.575.249</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>39.576</b>	<b>55.581</b>	<b>163.456</b>	<b>185.835</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>4.437.440</b>	<b>3.654.410</b>	<b>11.942.533</b>	<b>10.389.414</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>2.450.158</b>	<b>2.125.664</b>	<b>6.942.233</b>	<b>6.178.926</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>	<b>1.987.282</b>	<b>1.528.746</b>	<b>5.000.300</b>	<b>4.210.488</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	344.655	125.144	664.121	809.824
Chi phí tài chính	22	327.937	57.558	606.785	309.385
Chi phí bán hàng	24	658.349	422.083	1.981.587	1.325.121
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	273.962	180.082	735.375	559.690
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>		<b>1.071.689</b>	<b>994.167</b>	<b>2.340.674</b>	<b>2.826.116</b>
Thu nhập khác	31	6.881	30.544	154.027	214.517
Chi phí khác	32	25.916	18.383	85.089	46.474
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>(19.035)</b>	<b>12.161</b>	<b>68.938</b>	<b>168.043</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>106.327</b>	<b>(189.620)</b>	<b>473.494</b>	<b>322.238</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>	<b>1.158.981</b>	<b>816.708</b>	<b>2.883.106</b>	<b>3.316.397</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>271.884</b>	<b>378.982</b>	<b>797.916</b>	<b>650.509</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>(14.189)</b>	<b>(190.163)</b>	<b>(66.001)</b>	<b>(114.082)</b>
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>	<b>901.286</b>	<b>627.889</b>	<b>2.151.191</b>	<b>2.779.970</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Tập đoàn**

	Mã số	Giá định <sup>(1)</sup>			
		Từ		2013	
		Từ 1/10/2013 đến 31/12/2013	Từ 1/10/2012 đến 31/12/2012	2013	2012
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Lợi nhuận thuần</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b> <b>(mang từ trang trước sang)</b>	<b>60</b>	<b>901.286</b>	<b>627.889</b>	<b>2.151.191</b>	<b>2.779.970</b>
<b>Phân bổ cho:</b>					
Cổ đông thiểu số	61	535.522	294.848	946.445	765.741
Chủ sở hữu của Công ty	62	365.764	333.041	1.204.746	2.014.229
<b>Lãi trên cổ phiếu</b> Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	512	469	1.686	2.838

(1)

- Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc tái chuyển nhượng cổ phần của của Ngân hàng Techcombank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 2012 và giá định Masan Tập đoàn đã sở hữu 30.36% lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Techcombank kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.*
- Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại tài sản cố định hữu hình và vô hình từ thương vụ mua lại Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa cho cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 2012.*
- Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.*
- Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

**Công ty**

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/10/2013	Từ 1/10/2012	2013	2012
			đến 31/12/2013	đến 31/12/2012		
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	-	-	-	-
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>23</b>	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	-	-	-	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	338.603	300.584	1.239.232	1.221.639
Chi phí tài chính	22	26	660.771	346.661	1.868.462	1.325.744
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		168.030	69.930	337.596	258.602
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(490.198)</b>	<b>(116.007)</b>	<b>(966.826)</b>	<b>(362.707)</b>
<b>{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>						
Thu nhập khác	31	27	(70.329)	2.269	2.983	142.453
Chi phí khác	32	28	-	-	-	-
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(70.329)</b>	<b>2.269</b>	<b>2.983</b>	<b>142.453</b>
<b>Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(560.527)</b>	<b>(113.738)</b>	<b>(963.843)</b>	<b>(220.254)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>		-	-	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		-	-	-	-
<b>Lỗ thuần (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(560.527)</b>	<b>(113.738)</b>	<b>(963.843)</b>	<b>(220.254)</b>

Người lập:

Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2013	2012	2013	2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.015.302</b>	<b>2.488.522</b>	<b>(963.843)</b>	<b>(220.254)</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>						
Khấu hao và phân bổ	02		520.059	349.906	32.657	10.797
Các khoản dự phòng	03		35.171	34.492	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(3.951)	(204)	-	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		7.533	4.911	-	-
Bất lợi thương mại	05		(213.962)	-	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi và phí duy trì hạn mức vay	05		(366.145)	(789.189)	(1.231.138)	(1.221.572)
Chi phí lãi vay và phí duy trì hạn mức vay	06		402.954	279.176	1.713.259	1.302.041
Lỗi từ các công ty liên kết	07		194.550	337.798	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.591.511</b>	<b>2.705.412</b>	<b>(449.065)</b>	<b>(128.988)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(8.054)	169.869	(1.278)	228.653
Biến động hàng tồn kho	10		(486.142)	8.195	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		16.609	219.840	73.965	(482.637)
			<b>2.113.924</b>	<b>3.103.316</b>	<b>(376.378)</b>	<b>(382.972)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.349.500)	(745.684)	(497.586)	(243.736)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(833.594)	(317.354)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(25.308)	(9.245)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(94.478)</b>	<b>2.031.033</b>	<b>(873.964)</b>	<b>(626.708)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2013	2012	2013	2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.080.008)	(5.785.098)	(18.006)	(69.354)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.562	2.023	-	-
Tiền chi cho vay các công ty con	23		-	-	(2.617.558)	(2.028.000)
Tiền thu hồi khoản vay từ công ty con	23		-	-	930.000	4.028.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(43.328.557)	(32.720.670)	-	(68.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		42.247.557	31.364.170	68.000	-
Tiền chi ứng trước cho khoản đầu tư vào công ty liên kết	25		-	(2.015.748)	-	-
Tiền thuần chi cho việc mua lại công ty con	25		(431.585)	-	-	-
Tiền đầu tư vào công ty con	25		(330.805)	(2.054.692)	(1.881.404)	(1.932.647)
Tiền chi đầu tư trái phiếu	25		-	(48.000)	-	(48.000)
Tiền thu từ bán một công ty con cho một công ty con khác	26		-	-	-	10
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	26		-	421.000	-	421.000
Tiền thu thanh lý một phần của khoản đầu tư từ công ty con	26		1.061.861	-	-	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		484.023	764.282	57.669	309.369
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.375.952)</b>	<b>(10.072.733)</b>	<b>(3.461.299)</b>	<b>612.378</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2013	2012	2013	2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	31		178.608	411.000	178.608	411.000
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31		3.274.207	12.500	-	-
Tiền thu từ phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu và công cụ nợ	31		-	2.707.640	-	2.707.640
Tiền chi mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	32		(3.490.092)	(4.634.395)	(3.490.092)	(4.634.395)
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		11.876.873	8.749.029	6.910.000	2.200.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng và các đơn vị khác	34		(7.044.695)	(3.009.517)	-	-
Tiền chi trả cho chi phí giao dịch	35		(328.452)	(20.625)	(44.000)	(20.625)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số bởi công ty con	36		(14.926)	(25.988)	-	-
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>4.451.523</b>	<b>4.189.644</b>	<b>3.554.516</b>	<b>663.620</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(18.907)</b>	<b>(3.852.056)</b>	<b>(780.747)</b>	<b>649.290</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.718.717</b>	<b>9.573.593</b>	<b>2.160.026</b>	<b>1.510.736</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>(1.247)</b>	<b>(2.820)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>5.698.563</b>	<b>5.718.717</b>	<b>1.379.279</b>	<b>2.160.026</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

**CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013	2012	2013	2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền vay dài hạn được cấn trừ với tiền chi trả khoản gốc vay, tiền lãi vay và các chi phí liên quan	2.616.426	-	-	-
Chi phí vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.095.839	-	-	-
Khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.939	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi công cụ nợ của công ty con	1.962.320	-	1.962.320	-
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi các khoản vay	-	796.524	-	796.524
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi các vốn khác của chủ sở hữu	-	6.358.643	-	6.358.643

Người lập:

Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2013	31/12/2012
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHolding (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Sản xuất mì ăn liền	77,4%	80,8%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	73,2%	76,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	77,4%	80,8%
Công ty Cổ phần Ma San Agri (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ)	Tư vấn quản lý	39,5%	80,8%
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	41,2%	43,0%
Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo (*)	Sản xuất đồ uống	49,2%	-
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha (**)	Sản xuất đồ uống	49,2%	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	75,9%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	75,9%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	75,9%	65%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	75,9%	65%

(\*) Vào ngày 27 tháng 3 năm 2013, một công ty con của Công ty, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San đã hoàn tất việc mua lại 5.144.460 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”) với tổng số tiền là 438.370 triệu VND. Việc mua cổ phiếu này đã giúp Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và Tập đoàn lần lượt sở hữu 63,51% và 49,2% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Vĩnh Hảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(\*\*) Vào ngày 30 tháng 12 năm 2013, một công ty con của Công ty, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”) đã hoàn tất việc mua 99.998 cổ phần của Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha (“Krôngpha”) với tổng số tiền 47.589 triệu VND. Việc mua lại này đã giúp Vĩnh Hảo và Tập đoàn lần lượt sở hữu 99,998% và 49,2% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Krôngpha tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Các báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(ii) Cơ sở hợp nhất**

##### ***Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung***

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

### ***Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung***

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch *hợp nhất kinh doanh* cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

### **(iii) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

### **(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

**(b) Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

### **(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### **(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **(h) Tài sản cố định hữu hình**

#### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty và Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 cung cấp hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong các doanh nghiệp. Theo đó, Công ty và Tập đoàn đã phân loại lại giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã không còn đủ điều kiện phân loại vào tài sản cố định theo Thông tư 45 (nguyên giá lớn hơn 10 triệu VND và thấp hơn 30 triệu VND) vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn và phân bổ các tài sản này trong thời gian không quá 3 năm từ ngày phân loại lại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

**(iii) Thương hiệu**

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm đến 20 năm.

**(iv) Quan hệ khách hàng**

Mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**(v) Tài nguyên nước khoáng**

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 - 20 năm.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty và Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 cung cấp hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong các doanh nghiệp. Do đó, Công ty và Tập đoàn đã phân loại lại giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã không còn đủ điều kiện phân loại vào tài sản cố định theo Thông tư 45 (nguyên giá lớn hơn 10 triệu VND và thấp hơn 30 triệu VND) vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn và phân bổ các tài sản này trong thời gian không quá 3 năm từ ngày phân loại lại.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

**(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in**

Công cụ, dụng cụ và trực in được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

**(iv) Chi phí vay**

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

**(v) Phí nâng cấp trang web**

Phí nâng cấp trang web được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phân ánh theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

### **(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### **(p) Vốn chủ sở hữu**

#### **(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu***

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

#### **(iii) *Vốn khác***

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh, lãi/lỗ từ việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

### **(q) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**(r) Doanh thu tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền mặt	3.367	4.652	470	2.797
Tiền gửi ngân hàng	200.210	146.553	11.361	6.687
Các khoản tương đương tiền	5.494.986	5.567.512	1.367.448	2.150.542
	5.698.563	5.718.717	1.379.279	2.160.026

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**4. Các khoản phải thu**

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>				
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	142.244	206.244	10.734.312	224.902
Lãi trích trước phải thu	51.966	82.686	1.250	2.902
Thuế giá trị gia tăng của nhà thầu nước ngoài	6.837	24.257	6.837	7.345
Các dịch vụ phải thu	11.547	23.257	11.547	23.257
Phải thu khác	52.658	10.079	-	-
	<u>265.252</u>	<u>346.523</u>	<u>10.753.946</u>	<u>258.406</u>

**Các khoản phải thu dài hạn khác**

Lãi phải thu dài hạn	-	23.158	-	-
Phải thu dài hạn khác	450.183	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	-	-	2.875.015	1.658.406
	<u>450.183</u>	<u>23.158</u>	<u>2.875.015</u>	<u>1.658.406</u>

Phải thu khác từ các công ty liên quan bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
<b>Cổ tức phải thu từ Proconco – ngắn hạn</b>	-	64.000	-	-
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	10.592.068	82.658
Phi thương mại – dài hạn	-	-	2.875.015	1.658.406

Phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều kiện hợp đồng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản phải thu ngắn hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty bao gồm:

- a) Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 15% một năm với số tiền là 883.534 triệu VND đối với hạn mức vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 108 triệu USD, chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2014;
- b) Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và công ty con có số vốn gốc là 487.500 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2014;
- c) Số tiền 2.003.529 triệu VND là khoản gốc vay 1.962.320 triệu VND và khoản lãi phải thu 41.209 triệu VND, đáo hạn trong năm 2014 và chịu lãi suất 12% một năm;
- d) Số tiền 211.070 triệu VND là khoản gốc vay 210 tỷ VND và khoản lãi phải thu 1.070 triệu VND, đáo hạn trong năm 2014 và chịu lãi suất 10% một năm;
- e) Số tiền 22.755 triệu VND là khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2014, cho khoản vay 930 tỷ VND cho vay trong năm 2013; và
- f) Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn còn lại từ các công ty liên quan khác với số tiền là 6.983.680 triệu VND không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản phải thu dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty không được đảm bảo và phải thu theo điều khoản của hợp đồng, bao gồm:

- a) Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 4,25% đến 12% một năm với số tiền là 1.074.265 triệu VND đối với hạn mức vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 110 triệu USD và 2.200 tỷ VND, chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2015 và 2016;
- b) 278.398 triệu VND liên quan đến lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2019, từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 mà khoản vay này đã được hoàn trả trong năm 2012;
- c) 450.183 triệu VND liên quan khoản gốc vay và tiền lãi phải thu, được trả trong năm 2016; và
- d) 1.072.169 triệu VND là khoản gốc vay 1.052.169 triệu VND và khoản lãi phải thu 19.400 triệu VND, đáo hạn trong năm 2018 và chịu lãi suất 12% một năm.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b><u>Tập đoàn</u></b>	
	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	378	1.084
Tăng do hợp nhất kinh doanh	522	-
Tăng dự phòng trong năm	1.493	143
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(832)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(87)	(17)
Số dư cuối năm	2.306	378

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Hàng mua đang đi đường	49.521	15.349	-	-
Nguyên vật liệu	381.659	396.321	-	-
Công cụ và dụng cụ	326.788	26.794	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	90.522	88.448	-	-
Thành phẩm	243.285	48.934	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.091.775	575.846	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.066)	(11.991)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.070.709	563.855	-	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Số dư đầu năm	11.991	12.901
Tăng do hợp nhất kinh doanh	327	-
Tăng dự phòng trong năm	38.187	46.618
Sử dụng dự phòng trong năm	(24.495)	(41.705)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.944)	(5.823)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	21.066	11.991

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn**

	<b>Nhà cửa và cấu trúc</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận chuyển</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	453.709	22.525	69.412	1.454.828	39.954	2.040.428
Tăng do hợp nhất kinh doanh	47.299	-	320	43.029	8.465	99.113
Tăng trong năm	600	1.680	5.184	16.002	5.433	28.899
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	117.051	71.111	15.885	148.930	2.785	355.762
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(37)	(93)	(7.315)	(3.262)	(1.278)	(11.985)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(703)	-	(12.980)	(11.012)	(476)	(25.171)
Thanh lý	(266)	-	(451)	(28.519)	(195)	(29.431)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>617.653</b>	<b>95.223</b>	<b>70.055</b>	<b>1.619.996</b>	<b>54.688</b>	<b>2.457.615</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	53.957	11.661	26.792	382.084	18.623	493.117
Khấu hao trong năm	32.747	17.563	17.231	200.444	7.761	275.746
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(35)	-	(3.642)	(2.576)	(583)	(6.836)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(609)	-	(7.267)	(7.383)	(246)	(15.505)
Thanh lý	(114)	-	(396)	(19.682)	(144)	(20.336)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>85.946</b>	<b>29.224</b>	<b>32.718</b>	<b>552.887</b>	<b>25.411</b>	<b>726.186</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	399.752	10.864	42.620	1.072.744	21.331	1.547.311
Số dư cuối năm	531.707	65.999	37.337	1.067.109	29.277	1.731.429

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty**

	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	15.083	2.615	17.698
Tăng trong năm	584	794	1.378
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	71.111	3.733	74.844
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(437)	(437)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(918)	(918)
Số dư cuối năm	86.778	5.787	92.565
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.988	1.003	5.991
Khấu hao trong năm	16.991	2.193	19.184
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(311)	(311)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(335)	(335)
Số dư cuối năm	21.979	2.550	24.529
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	10.095	1.612	11.707
Số dư cuối năm	64.799	3.237	68.036

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**7. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	67.300
	<hr/>
Số dư cuối năm	67.300
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	8.973
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.973
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	58.327
	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**8. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm vi tính</b>	<b>Nhãn hiệu</b>	<b>Quan hệ khách hàng</b>	<b>Tài nguyên nước khoáng</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	144.357	19.344	544.435	320.647	-	1.028.783
Tăng do hợp nhất kinh doanh	27.170	306	158.431	54.468	305.336	545.711
Tăng trong năm	2.246	7.162	-	-	-	9.408
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	15.097	-	-	-	15.097
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11)	(556)	-	-	-	(567)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(1.361)	-	-	-	(1.361)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>173.762</b>	<b>39.992</b>	<b>702.866</b>	<b>375.115</b>	<b>305.336</b>	<b>1.597.071</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	15.920	10.601	63.927	74.819	-	165.267
Khấu hao trong năm	4.273	7.084	61.737	67.970	2.392	143.456
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(92)	-	-	-	(92)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(236)	-	-	-	(236)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.193</b>	<b>17.357</b>	<b>125.664</b>	<b>142.789</b>	<b>2.392</b>	<b>308.395</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	128.437	8.743	480.508	245.828	-	863.516
Số dư cuối năm	153.569	22.635	577.202	232.326	302.944	1.288.676

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty**

	<b>Phần mềm vi tính Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	1.566
Tăng trong năm	505
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.161
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(18)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.214
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	464
Khấu hao trong năm	689
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.149
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.102
Số dư cuối năm	3.065
	<hr/>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>2013</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	15.317.924	9.425.067	71.628	3.568
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.18	-	-	-
Tăng trong năm	5.108.426	6.672.427	16.012	68.060
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(355.762)	(769.884)	(74.844)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(15.097)	(1.904)	(2.161)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.731)	(7.782)	(41)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(4.887)	-	-	-
Thanh lý	(127)	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	20.042.933	15.317.924	10.021	71.628
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 1.095.839 triệu VND (2012: 1.040.937 triệu VND).

**10. Các khoản đầu tư**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
Đầu tư vào các công ty con (a)	-	-	7.422.796	12.490.634
Đầu tư vào một công ty liên kết (b)	10.756.098	10.948.119	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác (c)	3.600	365.500	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	10.759.698	11.313.619	16.355.220	21.423.058
<hr/>				
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (d)	3.287.000	1.840.500	-	68.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	3.287.000	1.840.500	-	68.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	3.591.682	10.333.461
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	2.873.314	1.199.373
	<hr/>	<hr/>
	7.422.796	12.490.634
	<hr/>	<hr/>

**(a) Đầu tư vào các công ty con**

Trong tháng 1 năm 2013, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San với tổng giá trị thanh toán bằng tiền là 207 tỷ VND.

**(b) Đầu tư các công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn lần lượt là khoản đầu tư 30,36% (31/12/2012: 30,44%) và 15,8% (31/12/2012: 32,32%) lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) và Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**(c) Đầu tư dài hạn khác**

Chi tiết của các khoản phải thu dài hạn khác như sau:

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Các khoản tiền gửi tại ngân hàng	-	365.500
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.600	-
	<hr/>	<hr/>
	3.600	365.500
	<hr/>	<hr/>

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo vào 1.200.000 cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo phản ánh 14,75% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo.

**(d) Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 6% - 6,8% trong kỳ (31/12/2012: 8%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn**

	<b>Chi phí trước hoạt động Triệu VND</b>	<b>Chi phí đất trả trước Triệu VND</b>	<b>Trục in Triệu VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ Triệu VND</b>	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Phí nâng cấp trang web Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	56.796	2.286	755	15.877	21.210	136	97.060
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	6.061	-	-	6.061
Tăng trong năm	2.000	-	4.039	17.632	328.452	-	352.123
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.108	-	4.623	-	-	9.731
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	9.666	-	-	9.666
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	475	-	-	475
Phân bổ trong năm	-	(60)	(3.578)	(19.474)	(42.845)	(136)	(66.093)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(5.327)	-	-	(5.327)
Thanh lý	-	-	(73)	(270)	-	-	(343)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>58.796</b>	<b>7.334</b>	<b>1.143</b>	<b>29.263</b>	<b>306.817</b>	<b>-</b>	<b>403.353</b>

**Công ty**

	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Phí nâng cấp trang web Triệu VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	21.210	136	-	21.346
Tăng trong năm	44.000	-	111	44.111
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	41	41
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	583	583
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	14	14
Phân bổ trong năm	(12.398)	(136)	(250)	(12.784)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.812</b>	<b>-</b>	<b>499</b>	<b>53.311</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**12. Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại**

*Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:*

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>				
Chiết khấu hàng bán phải trả	34.490	9.133	-	-
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	27.057	14.193	-	-
Chi phí vận chuyển phải trả	10.734	6.677	-	-
Chi phí phải trả khác	3.824	4.041	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	1.991	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	76.105	36.035	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>				
Xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	(751.021)	-	-
Tài sản cố định hữu hình	(15.954)	(11.330)	-	-
Tài sản cố định vô hình	(194.506)	(97.766)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(961.481)	(860.117)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(885.376)	(824.082)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**13. Lợi thế thương mại**

	<u>Tập đoàn</u> Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	284.728
Tăng trong năm	236.217
	<hr/>
	520.945
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	36.096
Khấu hao trong năm	47.730
	<hr/>
Số dư cuối năm	83.826
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	248.632
Số dư cuối năm	437.119
	<hr/>
	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Vay ngắn hạn	4.245.567	1.540.393	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	2.390.343	252.991	2.311.300	-
	6.635.910	1.793.384	2.311.300	-

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền tệ</b>	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Vay ngân hàng:					
Tiền VND	VND	3.276.805	1.540.393	-	-
Tiền Đô la Mỹ	USD	968.762	-	-	-
		4.245.567	1.540.393	-	-

**15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	524.479	535.785	-	-
Thuế giá trị gia tăng	91.603	39.626	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	3.332	11.446	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.111	14.126	-	-
Các loại thuế khác	27.371	7.910	386	-
	673.896	608.893	386	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**16. Chi phí phải trả**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lãi vay phải trả	424.140	549.848	303.400	415.560
Phải trả cho xây dựng công trình	66.563	195.070	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	158.012	139.125	-	-
Phí tư vấn	93.053	127.954	32.476	38.074
Thưởng và lương tháng 13	196.922	98.624	-	-
Chiết khấu hàng bán	169.513	41.188	-	-
Chi phí vận chuyển	46.056	30.615	-	-
Thuê nhà thầu	51.634	31.183	5.251	10.013
Chi phí hàng tồn kho phải trả	16.252	28.139	-	-
Các khoản khác	356.221	59.185	138.784	7.828
	<b>1.578.366</b>	<b>1.300.931</b>	<b>479.911</b>	<b>471.475</b>

**17. Phải trả khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	4.127	226	155	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	-	480	-	-
Phải trả ngắn hạn khác cho một công ty con	-	-	883.284	-
Phải trả khác	97.149	43.624	-	-
	<b>101.276</b>	<b>44.330</b>	<b>883.439</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>				
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	1.725.360	1.432.596
Phải trả dài hạn	43.594	381.563	27.076	381.563
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	191.094	356.269	60.561	356.269
	<b>234.688</b>	<b>737.832</b>	<b>1.812.997</b>	<b>2.170.428</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**18. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Vay dài hạn (a)	8.580.917	6.667.882	8.410.000	4.000.000
Hối phiếu nhận nợ	-	2.855.764	-	-
Trái phiếu và các khoản vay chuyên đổi	1.176.522	1.176.522	1.176.522	1.176.522
Trái phiếu có đảm bảo	4.700.000	2.200.000	4.700.000	2.200.000
	14.457.439	12.900.168	14.286.522	7.376.522
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(2.390.343)	(252.991)	(2.311.300)	-
Hoàn trả sau 12 tháng	12.067.096	12.647.177	11.975.222	7.376.522

**a. Vay dài hạn**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Vay ngân hàng:				
Tiền VND	2.735.759	2.397.355	-	-
Tiền Đô la Mỹ	5.845.158	4.270.527	-	-
Khoản vay từ công ty con	-	-	8.410.000	4.000.000
	8.580.917	6.667.882	8.410.000	4.000.000

Khoản vay từ công ty con không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 10.5%-15% và phải trả theo các điều khoản trên hợp đồng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**19. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b><u>Tập đoàn</u></b>	
	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu năm	1.381	8.564
Dự phòng lập trong năm	-	731
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.381)	(754)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(7.160)
Số dư cuối năm	-	1.381

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**20. Biến động của vốn chủ sở hữu**

<u>Tập đoàn</u>	<b>Vốn cổ phần</b> Triệu VND	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b> Triệu VND	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b> Triệu VND	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b> Triệu VND	<b>Vốn khác</b> Triệu VND	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b> Triệu VND	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty</b> Triệu VND	<b>Cổ đông thiểu số</b> Triệu VND	<b>Tổng cộng</b> Triệu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-	-	-	-
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(4.104.160)	-	(530.235)	-	(4.634.395)	-	(4.634.395)
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ nợ	344.440	439.025	-	-	-	-	783.465	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	-	411.000	-	411.000
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	1.721.824	-	-	-	1.721.824	-	1.721.824
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	(22.447)	-	(22.447)	34.947	12.500
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại vốn cổ phần trong các công ty con	-	-	-	-	(1.440.708)	-	(1.440.708)	(491.929)	(1.932.637)
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua thêm vốn cổ phần trong một công ty con của MSC	-	-	-	-	(56.108)	-	(56.108)	(65.936)	(122.044)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(62)	-	-	(62)	(33)	(95)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.260.518	1.260.518	702.074	1.962.592
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(25.988)	(25.988)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(14.902)	(14.902)	(11.967)	(26.869)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>6.872.801</b>	<b>7.999.167</b>	<b>1.721.824</b>	<b>(16.128)</b>	<b>(8.619.479)</b>	<b>5.925.652</b>	<b>13.883.837</b>	<b>5.820.548</b>	<b>19.704.385</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Tập đoàn**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND</b>	<b>Cổ đông thiểu số Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	-	178.608	-	178.608
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi công cụ nợ của công ty con	297.704	1.602.460	-	-	-	-	1.900.164	-	1.900.164
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	1.397.429	-	1.397.429	583.302	1.980.731
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc thanh lý một phần khoản đầu tư của công ty con	-	-	-	-	44.664	-	44.664	1.017.197	1.061.861
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	116.139	116.139
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	(159.430)	-	(159.430)	(48.033)	(207.463)
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(1.624.121)	-	(1.056.440)	-	(2.680.561)	-	(2.680.561)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(27.822)	-	-	(27.822)	(12.610)	(40.432)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	429.727	429.727	867.646	1.297.373
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(14.926)	(14.926)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(19.458)	(19.458)	(24.772)	(44.230)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>7.349.113</b>	<b>9.601.627</b>	<b>97.703</b>	<b>(43.950)</b>	<b>(8.393.256)</b>	<b>6.335.920</b>	<b>14.947.157</b>	<b>8.304.490</b>	<b>23.251.647</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	5.152.723	2.166.136	10.462.804	-	(22.449)	17.759.214
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ nợ	344.440	439.025	-	-	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	411.000
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	1.721.824	-	-	1.721.824
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(4.104.160)	(530.235)	-	(4.634.395)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(220.254)	(220.254)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>6.872.801</b>	<b>7.999.167</b>	<b>1.721.824</b>	<b>(530.235)</b>	<b>(242.703)</b>	<b>15.820.854</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	<b>6.872.801</b>	<b>7.999.167</b>	<b>1.721.824</b>	<b>(530.235)</b>	<b>(242.703)</b>	<b>15.820.854</b>
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	178.608
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi công cụ nợ của công ty con	297.704	1.602.460	-	-	-	1.900.164
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(1.624.121)	(1.056.440)	-	(2.680.561)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(963.843)	(963.843)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>7.349.113</b>	<b>9.601.627</b>	<b>97.703</b>	<b>(1.586.675)</b>	<b>(1.206.546)</b>	<b>14.255.222</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

## 21. **Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	734.911.338	7.349.113	687.280.123	6.872.801
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	734.911.338	7.349.113	687.280.123	6.872.801
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	9.601.627	-	7.999.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	687.280.123	6.872.801	515.272.269	5.152.723
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	17.860.750	476,312	41.100.000	411.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi công cụ nợ của công ty con	29.770.465	476,312	41.100.000	411.000
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	96.463.766	964.638
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ nợ	-	-	34.444.088	344.440
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>734.911.338</b>	<b>7,349,113</b>	<b>687.280.123</b>	<b>6.872.801</b>

## 22. **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

## 23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm	12.014.641	10.575.021	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	91.348	228	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(132.659)	(150.243)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(30.797)	(35.592)	-	-
Doanh thu thuần	11.942.533	10.389.414	-	-

## 24. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng				
▪ Thành phẩm đã bán	6.908.990	6.138.131	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.243	40.795	-	-
	6.942.233	6.178.926	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Lãi thu từ:				
• Tiền gửi	366.145	760.585	53.775	204.082
• Cho vay	25.394	-	-	-
• Đầu tư trái phiếu	-	28.604	-	28.604
• Cho công ty con vay	-	-	112.070	60.898
Phí duy trì hạn mức vay cho các công ty con	-	-	1.065.293	927.988
Bất lợi thương mại	213.962	-	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	57.706	17.687	8.094	67
Doanh thu hoạt động tài chính khác	914	2.948	-	-
	<b>664.121</b>	<b>809.824</b>	<b>1.239.232</b>	<b>1.221.639</b>

**26. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	200.965	140.468	-	-
• Các trái chủ	201.989	138.708	537.210	387.339
• Công ty con	-	-	903.166	568.281
Phí duy trì hạn mức vay trả cho các công ty con	-	-	272.883	346.421
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	34.025	9.913	79	3.399
Chi phí tài chính khác	169.806	20.296	155.124	20.304
	<b>606.785</b>	<b>309.385</b>	<b>1.868.462</b>	<b>1.325.744</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**27. Thu nhập khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu hồi chi phí từ công ty mẹ	-	142.244	-	142.244
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.562	2.023	-	-
Thu từ bán phế liệu	72.954	20.630	-	-
Thu nhập khác	79.511	49.620	2.983	209
	<b>154.027</b>	<b>214.517</b>	<b>2.983</b>	<b>142.453</b>

**28. Chi phí khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định và tài sản dài hạn đã thanh lý	9.245	6.934	-	-
Chi phí bán phế liệu	68.527	15.759	-	-
Chi phí khác	7.317	23.781	-	-
	<b>85.089</b>	<b>46.474</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**29. Lỗ nhuận từ các công ty liên kết**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	473.494	325.709	-	-
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(668.044)	(663.507)	-	-
	<b>(194.550)</b>	<b>(337.798)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**30. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 429.727 triệu VND (2012: 1.260.518 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là 714.389.656 cổ phiếu (2012: 709.729.864 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	429.727	1.260.518

(ii) **Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	687.280.123	515.272.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền mặt	15.659.180	23.533.973
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi	-	17.552.330
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho vốn khác	-	96.463.766
Ảnh hưởng của việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	25.235.234
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	11.450.353	31.672.292
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	714.389.656	709.729.864

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

**Tập đoàn**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2013 Triệu VND</b>	<b>2012 Triệu VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	142.244
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Ma San	Phí bảo trì Mua tài sản cố định	- -	12.990 12
Công ty Cổ phần Bất động sản Masan	Phí dịch vụ Bán tài sản cố định	- -	13.459 32
Công ty Cổ phần Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc Việt	Cổ tức phải thu	-	64.000
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	46.704	33.972

(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 2012.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty:**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Bản chất giao dịch</b>	<b>2013 Triệu VND</b>	<b>2012 Triệu VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	142.244
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con	-	2.028.000
	Khoản vay nhận từ công ty con	4.410.000	-
	Thu nhập lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn	-	60.898
	Chi phí lãi vay	903.166	568.281
	Phí duy trì hạn mức vay	272.883	346.421
	Bán một công ty con cho một công ty con	-	10
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con	3.015.089	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	60.609	-
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	26.067	157.236
	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	415.360	346.421
	Khoản vay cấp cho công ty con	1.140.000	-
	Thu hồi khoản vay từ công ty con	930.000	-
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	649.933	424.332
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Khoản vay cấp cho công ty con	424.788	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	25.394	-
Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng)	Bán khoản đầu tư cho một công ty con	6.949.242	-
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	7.796	6.306

(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 2012.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

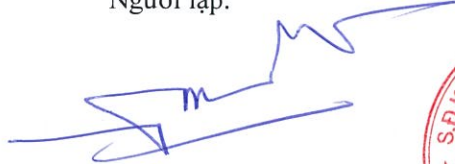
**32. Giải trình biến động lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần quý 4 năm 2013 của Tập đoàn là 687 tỷ VND so với lợi nhuận thuần của cùng kỳ năm trước là 358 tỷ VND, tăng 92% là do:

- Lợi nhuận thuần của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San tăng cao chủ yếu từ sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận gộp tăng cao.
- Lợi nhuận từ các công ty liên kết giảm.

Kết quả kinh doanh riêng lẻ quý 4 năm 2013 của Công ty lỗ 561 tỷ VND so với khoản lỗ 114 tỷ VND của cùng kỳ năm trước là do giảm doanh thu tài chính.

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

*File*